

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Dũng | Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Quang Phúc | Phó chủ tịch |
| 3. Ông Vũ Thanh Hải | Thành viên |
| 4. Ông Trần Khắc Nguyên | Thành viên |
| 5. Ông Chu Nguyên Bình | Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011 |
| 6. Ông Bùi Đình Quý | Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011 |
| 7. Ông Nguyễn Hồng Minh | Thành viên - Miễn nhiệm ngày 09/06/2011 |

Ban Giám đốc

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Dũng | Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 10/06/2011 |
| 2. Ông Nguyễn Quang Phúc | Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 10/06/2011 |

Ban Kiểm soát

- | | |
|--------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Trung Dũng | Trưởng ban |
| 2. Ông Đỗ Thành Đình | Thành viên |
| 3. Bà Trần Thị Hải Yến | Thành viên |

Trưởng phòng kế toán

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh | Trưởng phòng kế toán - Bổ nhiệm ngày 01/12/2009 |
| 2. Ông Hoàng Duy Anh | Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 21/07/2011 |

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng ngoài vấn đề đã nêu tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

0100793710
C.T.C.P.
Hàng Hải Hà Nội

Số. 22 /2012/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo của Công ty được lập ngày 15/02/2012, trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

**Trần Quý Phán****Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0510/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

**Phạm Gia Đạt****Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.278.482.820	69.927.308.503
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.785.157.563	2.108.542.799
Tiền	111		7.785.157.563	2.108.542.799
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		504.364.000	606.132.600
Đầu tư ngắn hạn	121	6	578.683.200	637.812.600
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(74.319.200)	(31.680.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.760.721.485	62.852.703.629
Phải thu khách hàng	131		9.495.690.989	14.888.920.284
Trả trước cho người bán	132		1.697.082.928	7.221.145.056
Các khoản phải thu khác	135	7	36.132.514.740	49.277.625.144
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.564.567.172)	(8.534.986.855)
Hàng tồn kho	140		22.408.300	-
Hàng tồn kho	141		22.408.300	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.205.831.472	4.359.929.475
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.054.949	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		351.700.073	1.274.142.477
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		297.587.590	254.301.748
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.533.488.860	2.831.485.250
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.271.309.915	119.017.280.614
Tài sản cố định	220		42.056.246.387	8.053.753.529
Tài sản cố định hữu hình	221	8	38.868.933.337	3.728.979.415
- Nguyên giá	222		47.891.842.090	10.203.230.323
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.022.908.753)	(6.474.250.908)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	1.137.461.064
- Nguyên giá	225		-	4.715.561.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.578.100.136)
Tài sản cố định vô hình	227	9	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.440.819.250	2.440.819.250
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	111.242.001.544	109.976.135.685
Đầu tư vào công ty con	251		33.566.974.113	47.617.135.685
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		75.175.027.431	59.859.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		973.061.984	987.391.400
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	626.561.984	540.891.400
Tài sản dài hạn khác	268		346.500.000	446.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.549.792.735	188.944.589.117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		119.938.529.766	96.420.486.011
Nợ ngắn hạn	310		105.515.106.101	62.254.799.637
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	35.872.091.225	4.800.119.549
Phải trả người bán	312		13.757.178.178	20.167.538.271
Người mua trả tiền trước	313		17.372.669.112	11.745.071.268
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	82.555.682	422.301.410
Phải trả người lao động	315		153.266.616	493.281.311
Chi phí phải trả	316	15	13.937.732.064	18.236.394.280
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	23.477.021.953	5.145.178.277
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		862.591.271	1.244.915.271
Nợ dài hạn	330		14.423.423.665	34.165.686.374
Vay và nợ dài hạn	334	16	14.000.000.000	33.729.317.409
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		423.423.665	436.368.965
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.611.262.969	92.524.103.106
Vốn chủ sở hữu	410	18	88.611.262.969	92.524.103.106
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.001.910.000	24.001.910.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(209.569.216)	(1.626.488.418)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(79.447.243.525)	(74.117.484.186)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.549.792.735	188.944.589.117

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		1.023,04	1.021,93
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	10.683.805.638	9.352.518.592
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.683.805.638	9.352.518.592
Giá vốn hàng bán	11	20	5.327.839.962	41.078.589.491
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.355.965.676	(31.726.070.899)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	5.241.228.320	24.686.815.182
Chi phí tài chính	22	22	11.629.434.951	15.922.576.586
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>4.013.830.935</i>	<i>6.952.934.119</i>
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	710.217.572	8.689.377.034
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.742.458.527)	(31.651.209.337)
Thu nhập khác	31	24	4.351.049.123	154.682.721.736
Chi phí khác	32	25	6.569.805.897	166.948.126.261
Lợi nhuận khác	40		(2.218.756.774)	(12.265.404.525)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(292)	(3.240)

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh



Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	2		1.664.764.658	3.750.122.537
Các khoản dự phòng	3		(2.927.780.483)	2.872.166.159
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		5.536.495.733	1.064.043.385
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(7.796.364.260)	(8.301.007.879)
Chi phí lãi vay	6		4.013.830.935	6.952.934.119
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(3.470.268.718)	(37.578.355.541)
Tăng giảm các khoản phải thu	9		24.239.554.779	2.223.203.961
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(22.408.300)	5.542.928.716
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(17.554.778.733)	(24.482.657.806)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(108.725.533)	16.525.531.740
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.842.635.519)	(3.734.604.922)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(338.722.018)	(630.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.023.710.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(109.082.749)	(35.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		792.933.209	(40.145.453.852)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(2.677.661.559)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		16.199.659.869	140.086.750.278
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.130.295.095)	(13.813.980.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.017.500.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.880.000.720	3.757.774.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.949.365.494	139.370.383.499
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	3.916.042.876
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.747.119.461)	(102.579.920.082)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.321.485.591)	(2.240.285.509)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.068.605.052)	(100.904.162.715)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.673.693.651	(1.679.233.068)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.108.542.799	3.787.775.867
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.921.113	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	7.785.157.563	2.108.542.799

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh



Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 01/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bưởi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,15%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,85%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

11/4/12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-25
Máy móc thiết bị	05-10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

4.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu trong năm 2011 chủ yếu là từ hợp đồng bán 3 tàu lai dắt Transvina, Marina 18, Marina 19 với Công ty TNHH Vận tải và Đầu tư Đông Bắc với giá trị 8,8 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong năm 2011, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn (trên 1 năm) nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau. Nhưng phải đảm bảo phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5.
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	30.362.169	260.382.656
Tiền gửi ngân hàng	7.754.795.394	1.848.160.143
Cộng	7.785.157.563	2.108.542.799

6.
CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

		31/12/2011		01/01/2011
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		578.683.200	-	637.812.600
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hồng (VSH)	8.800	140.800.000	8.800	140.800.000
+ Cổ phiếu Tổng Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	3.012	87.883.200	5.052	147.012.600
Cộng		578.683.200		637.812.600

7.
CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.407.307.919
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	-	10.317.940.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	-	3.412.500.000
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	1.040.575.837	-
Cộng ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hải Phòng	-	839.352.646
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	339.476.051	339.476.051
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư	-	663.629.654
Bất động sản Hà Nội		
Phải thu khác	3.345.154.933	2.297.418.874
Cộng	36.132.514.740	49.277.625.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2011	7.354.817.531	465.376.970	1.597.415.483	629.348.106	156.272.233	10.203.230.323
- Tăng khác (*)	38.471.073.770	-	-	-	-	38.471.073.770
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(782.462.003)	-	-	(782.462.003)
31/12/2011	45.825.891.301	465.376.970	814.953.480	629.348.106	156.272.233	47.891.842.090
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2011	4.022.436.110	465.376.970	1.232.991.056	597.174.539	156.272.233	6.474.250.908
- Khấu hao trong năm	1.538.295.776	-	108.675.280	17.793.602	-	1.664.764.658
- Tăng khác (*)	1.410.606.043	-	-	-	-	1.410.606.043
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(526.712.856)	-	-	(526.712.856)
31/12/2011	6.971.337.929	465.376.970	814.953.480	614.968.141	156.272.233	9.022.908.753
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	3.332.381.421	-	364.424.427	32.173.567	-	3.728.979.415
31/12/2011	38.854.553.372	-	-	14.379.965	-	38.868.933.337

(*) : Là khoản điều chuyển với tòa nhà điều hành Bãi container Hải An tại Phường Đồng Hải, Quận Hai An, thành phố Hải Phòng tại Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 39/CPHH tại ngày 01/09/2011 (trước ngày thỏa thuận chuyển giao tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 :
Nguyên giá tài sản cố định dùng cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2011 :

2.181.400.081 đồng,
38.471.073.770 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới - BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	2.440.819.250	2.440.819.250
Trong đó:		
+ Chi phí khảo sát Dự án Cảng Phù Đồng	500.000.000	500.000.000
+ Chi phí thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
a. Đầu tư vào Công ty con		33.566.974.113		47.617.135.685
- Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BĐS Hà Nội (*)	-	-	-	12.953.716.493
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức (**)	-	6.000.000.000	-	8.826.740.174
- Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	-	15.000.000.000	-	14.109.057.551
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	-	12.566.974.113	-	11.727.621.467
b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		75.175.027.431		59.859.000.000
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	-	1.734.000.000	-	1.734.000.000
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	58.125.000.000	-	58.125.000.000
- Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BĐS Hà Nội (*)	-	15.316.027.431	-	-
c. Đầu tư dài hạn khác		2.500.000.000		2.500.000.000
- Đầu tư cổ phiếu		2.500.000.000	-	2.500.000.000
Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000

(*) : Ngày 01/12/2011, các bên bao gồm: Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính An Thịnh (ATFC) và Ông Vũ Tiến Sơn đã tiến hành ký kết thỏa thuận thống nhất về việc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chuyển giao 60% tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội cho ATFC và Ông Vũ Tiến Sơn. Theo đó, từ 01/12/2011 đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội trở thành Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của MHC là 40%.

(**) : Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội sở hữu 47,27% vốn điều lệ (Năm 2010 là 77,9%). Tuy nhiên, các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội hơn 50% quyền biểu quyết và kiểm soát nên Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thuê sân Golf	516.993.400	540.891.400
Chi phí phân bổ khác	109.568.584	-
Cộng	626.561.984	540.891.400

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	35.872.091.225	4.800.119.549
<i>Ngân hàng Thương mại CP Quân đội</i>	<i>27.264.958.592</i>	<i>-</i>
<i>NHNNo và Phát triển Nông thôn - CN Bách Khoa</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>2.225.668.000</i>
<i>Sở Giao dịch NHNNo và Phát triển Nông thôn</i>	<i>1.607.132.633</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Interpool</i>	<i>-</i>	<i>2.574.451.549</i>
Cộng	35.872.091.225	4.800.119.549
	-	-

Xem thuyết minh số 16.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	338.722.018
Thuế thu nhập cá nhân	82.555.682	83.579.392
Cộng	82.555.682	422.301.410

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	-	475.655.263
Chi phí lãi vay	7.737.813.396	5.827.926.070
Chi phí vật tư tàu	-	486.165.509
Phí cảng và phí quản lý	5.021.013.947	5.973.387.031
Chi phí sửa chữa tàu	-	5.009.629.576
Chi phí môi giới	-	22.890.089
Chi phí phải trả khác	1.178.904.721	440.740.742
Cộng	13.937.732.064	18.236.394.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	14.000.000.000	33.310.777.840
- Vay ngân hàng	14.000.000.000	33.310.777.840
Nợ dài hạn	-	418.539.569
- Thuế tài chính	-	418.539.569
Cộng	14.000.000.000	33.729.317.409

Trong đó:

Các khoản vay dài hạn

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay USD	Số dư nợ gốc 31/12/2011 USD	Số dư nợ gốc phải trả năm tới USD
01/2008/H ĐTD/MB- MHC	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,3%/ năm	48 tháng	3.521.000	1.309.053,13	1.309.053,13
Cộng				3.521.000	1.309.053,13	1.309.053,13

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ gốc 31/12/2011 VND	Số dư nợ gốc phải trả năm tới VND
1200-LAV- 200900722	Sở giao dịch NHNo và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	1.607.132.633	1.607.132.633
1401-LAV- 201100525 (*)	NHNo và PT Nông Thôn - CN Bách Khoa	Lãi suất thả nổi	27 tháng	21.000.000.000	21.000.000.000	7.000.000.000
Cộng				30.619.450.000	22.607.132.633	8.607.132.633

(*) : Ngày 28/09/2011 Hội đồng quản trị có Quyết định số 34/CPHH về việc chuyển tòa nhà Hải An từ HPM về Công ty mẹ. Theo quyết định này, chuyển khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bách khoa để đầu tư dự án Tòa nhà Hải An theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-200801379 ngày 14/10/2008 từ Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất Động Sản về Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội. Từ ngày 28/09/2011, Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chịu trách nhiệm trả gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với khoản nợ vay. Đến ngày 28/11/2011 Công ty đã thực hiện xong thủ tục chuyển nợ theo hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-201100525, tài sản thế chấp cầm cố đảm bảo cho khoản vay là Tòa nhà văn phòng điều hành khu Container Hải An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Bảo hiểm y tế	9.179.765	
- Bảo hiểm xã hội	15.699.200	156.785.038
- Kinh phí công đoàn	-	4.849.200
- Bảo hiểm thất nghiệp	29.661.624	39.521.246
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.422.481.364	4.944.022.793
Trong đó		
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	4.861.419.109	3.875.708.286
- Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	478.267.949	672.486.500
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Tại Hải Phòng	2.254.644.097	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh BĐS	14.731.681.771	-
- Công ty CP Cảng Đoạn Xá	340.561.690	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	755.906.748	395.828.007
Cộng	23.477.021.953	5.145.178.277

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT	Cổ đông	31/12/2011	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1	Ông Bùi Đình Quý	17.480.000.000	12,90%
2	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.986.250.000	5,15%
3	Các cổ đông khác	111.088.890.000	81,95%
Cộng		135.555.140.000	100%

18.2 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000	135.555.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000	135.555.140.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu thường	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu thường	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.683.805.638	9.352.518.592
Trong đó:		
+ Doanh thu vận tải	-	4.000.000.000
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	151.200.000	3.432.768.896
+ Doanh thu lưu kho bãi	372.829.092	1.638.959.697
+ Doanh thu bán tàu Transvina, Marina 18, Marina 19	8.818.181.818	-
+ Doanh thu cho thuê văn phòng cầu bến, phao	1.072.627.536	70.454.545
+ Doanh thu dịch vụ khác	268.967.192	210.335.454

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn vận tải	-	35.109.689.635
Giá vốn cung ứng dịch vụ hàng hải	588.023.674	3.636.363.636
Giá vốn lưu kho bãi	298.263.282	1.247.399.476
Giá vốn bán tàu Transvina, Marina 18, Marina 19	2.311.532.909	-
Giá vốn cho thuê văn phòng cầu bến, phao	1.102.257.357	-
Giá vốn dịch vụ khác	1.027.762.740	1.085.136.744
Cộng	5.327.839.962	41.078.589.491

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	623.955.077	45.301.780
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	593.615.437	20.680.652.048
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.300.000.000	3.600.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	403.126.100	112.473.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	320.531.706	248.388.354
Cộng	5.241.228.320	24.686.815.182

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.013.830.935	6.952.934.119
Lỗ do hoạt động chứng khoán	-	56.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.020.735.603	6.001.689.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.536.495.733	1.064.043.385
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	43.372.680	31.680.000
Chi phí tài chính khác	15.000.000	1.815.729.801
Cộng	11.629.434.951	15.922.576.586

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.542.271	193.345.789
Chi phí nhân công	2.115.938.090	2.009.636.067
Khấu hao tài sản cố định	126.468.882	150.973.998
Chi phí thuê phí lệ phí	6.170.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.424.318.332	1.925.390.856
Chi phí bảo hiểm	-	22.539.319
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(2.992.574.383)	4.378.650.545
Sửa chữa tài sản cố định	2.354.380	8.840.460
Cộng	710.217.572	8.689.377.034

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Nhượng bán tài sản cố định	3.640.136.363	144.546.116.662
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	-	10.053.655.430
Thu nhập do khách hàng xóa nợ	522.811.616	-
Các khoản khác	188.101.144	82.949.644
Cộng	4.351.049.123	154.682.721.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhượng bán tài sản cố định	818.586.287	166.922.916.261
Chi phí tàu Ocean Asia và Achiever	5.724.134.271	-
Chi phí khác	27.085.339	25.210.000
Cộng	6.569.805.897	166.948.126.261

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.555.394	13.555.394
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(292)	(3.240)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.542.271	6.983.083.052
Chi phí nhân công	2.115.938.090	4.740.745.233
Khấu hao tài sản cố định	1.664.764.658	2.298.763.175
Chi phí thuế, phí lệ phí khác	6.170.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.928.911.356	6.883.661.401
Chi phí bằng tiền khác	3.284.951.162	3.782.652.824
Chi phí bảo hiểm	-	1.699.370.230
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(2.992.574.383)	4.378.650.545
Sửa chữa tài sản cố định	2.354.380	19.001.040.065
Cộng	6.038.057.534	49.767.966.525

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vay vốn	-	1.321.320.666
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	1.321.320.666
Trả vốn vay	-	7.821.320.666
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	7.821.320.666
Thuê nhà	103.208.958	147.307.410
- Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	103.208.958	147.307.410
- Mua hàng từ Y		
- Mua hàng từ Z		
Cho thuê tàu, phương tiện vận tải	-	1.013.833.636
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	-	513.270.000
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	-	500.563.636
Bán tài sản cố định	803.636.363	181.818.182
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	727.272.727	181.818.182
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	76.363.636	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	-	1.502.982.300
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	-	663.629.654
Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	-	839.352.646
Phải trả người bán	1.397.943.495	1.593.440.086
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	12.385.015
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.397.943.495	1.581.055.071
Phải trả khác	22.326.012.926	4.548.194.786
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	14.731.681.771	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	4.861.419.109	3.875.708.286
Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	478.267.949	672.486.500
Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	2.254.644.097	-

THUYẾT MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch chứng khoán

Ngày 07/04/2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội (MHC) bị tạm ngừng giao dịch do lỗi 2 năm liên tiếp. Tuy nhiên đến ngày 22/04/2011, Tổng Giám đốc Sàn Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh đã ký quyết định đưa cổ phiếu của Công ty ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch và cho phép cổ phiếu MHC được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát.

Cam kết về việc bán tài sản có giá trị lớn chưa thực hiện

Theo Quyết định số 638/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 09/05/2011 Về việc phê duyệt giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất, tổng diện tích đất bị thu hồi là 95.727 m², tổng giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất là 54.069.279.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn./.*).

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng kinh tế số 08/2011-HĐKT /MHC-DQS ngày 28/11/2011 với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất về việc chuyển trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội đối với dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất tại Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi với giá trị cả thuế VAT là 56.755.673.750 đồng (*Bằng chữ : Năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng./.*).

Đến 31/12/2011 Cty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Hàng Hải Việt Nam 10% giá trị hợp đồng với số tiền 5.675.567.375 đồng.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng